

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 63/2026/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 7 năm 2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Lam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Minh Sơn

Ông Trần Bằng Phi

Thư ký phiên tòa: Bà Hồng Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lý Thị Bích T, sinh ngày 01/01/1985;

Địa chỉ: Số 5/319, khóm T, phường V, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 01/01/1980

Địa chỉ: Số Số 5/319, khóm T, phường V, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lý Thị Bích T, bị đơn ông Nguyễn Hoàng A trình bày:

- Về hôn nhân: Bà T và ông A sống chung như vợ chồng từ năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 15/01/2007. Trong quá trình chung sống, dần phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không thể nói chuyện cùng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông A, ông A xác định không đồng ý ly hôn với Bà T.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Thảo M, sinh ngày 03/01/2007 và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 08/10/2015; con chung tên Nguyễn Thảo M đã trưởng thành, phát triển bình thường, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; con chung tên Nguyễn Hải Đ, Bà T yêu cầu nuôi con, không yêu cầu ông A cấp dưỡng.

- Về tài sản chung; Nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Về thủ tục tố tụng:

Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tổng đạt các văn bản đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định, không thuộc trường hợp phải thay đổi ai. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng, Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị.

- Về nội dung vụ án:

Có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Lý Thị Bích T đối với ông Nguyễn Hoàng A.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hải Đ cho Bà T trực tiếp nuôi. Ông A không cấp dưỡng nuôi con do Bà T không yêu cầu.

Đối với con chung tên Nguyễn Thảo M đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của đương sự; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Lý Thị Bích T khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con với ông Nguyễn Hoàng A, nên đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025. Bị đơn ông A có nơi cư trú tại phường B, tỉnh Cà Mau, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cà Mau

theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Bà Lý Thị Bích T có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt Bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[3] Về hôn nhân: Bà Lý Thị Bích T và ông Nguyễn Hoàng A sống chung như vợ chồng năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 15/01/2007. Nên hôn nhân giữa Bà T và ông A là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Bà T và ông A xác định trong quá trình chung sống, dần phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không thể nói chuyện cùng nhau, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông A, ông A xác định không muốn ly hôn. Bà T kiên quyết muốn được ly hôn. Ông A cũng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Qua đó cho thấy Bà T và ông A không có khả năng hàn gắn tình cảm. Xét thấy mục đích của hôn nhân giữa Bà T và ông A không đạt được.

Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà T, cho Bà T được ly hôn với ông A.

[4] Về con chung: Bà Lý Thị Bích T và ông Nguyễn Hoàng A xác định có 02 người con chung tên Nguyễn Thảo M, sinh ngày 03/01/2007 và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 08/10/2015.

Bà Lý Thị Bích T và ông Nguyễn Hoàng A đều có yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Hải Đ, Nguyễn Hải Đ có ý kiến muốn được sống cùng Bà T, cho nên Hội đồng xét xử có căn cứ giao con chung tên Nguyễn Hải Đ cho Bà T trực tiếp nuôi.

Ông Nguyễn Hoàng A không cấp dưỡng nuôi con do bà Lý Thị Bích T không yêu cầu.

Đối với con chung tên Nguyễn Thảo M đã trưởng thành, phát triển bình thường, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông A xác định tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Bà Lý Thị Bích T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Lý Thị Bích T đối với ông Nguyễn Hoàng A. Bà Lý Thị Bích T được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng A.

2. Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Thảo M, sinh ngày 03/01/2007 và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 08/10/2015.

Giao con chung tên Nguyễn Hải Đ cho bà Lý Thị Bích T trực tiếp nuôi.

Ông Nguyễn Hoàng A không cấp dưỡng nuôi con do bà Lý Thị Bích T không yêu cầu.

Ông Nguyễn Hoàng A được quyền thăm nom con chung tên Nguyễn Hải Đ, không ai được phép ngăn cản.

Đối với con chung tên Nguyễn Thảo My đã trưởng thành, phát triển bình thường, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình bà Lý Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng. Bà T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0004715 ngày 20/4/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

6. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 6 – Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- UBND phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Hồng Lam